

Bản án số: 763/2018/HS-PT
Ngày 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Minh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 367/2018/TLPT-HS ngày 10-5-2018 đối với các bị cáo Dương Đức G, Luân Hồng N, Đào Văn L bị xét xử sơ thẩm về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HSST ngày 04-4-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

** Bị cáo có kháng cáo:*

1. **Dương Đức G**, sinh năm 1981; ĐKNKTT và cư trú tại xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch : Việt Nam ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Dương Đình S và bà Trần Thị D; có vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn); có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008); bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-7-2016; có mặt.

Tiền án: Bản án số 134/HSST ngày 11-9-2002 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*. Kết quả xác minh xác định Dương Đức G chưa thi hành xong khoản truy thu tiền thu lời bất chính 610.000đ và án phí hình sự sơ thẩm (bl 344,351).

2. **Luân Hồng N**, sinh năm 1976; ĐKNKTT và cư trú tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; con ông Luân P và bà Hoàng Thị H; có vợ Vy Thị D ; có 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-7-2016; có mặt.

3. **Đào Văn L**, sinh năm 1984; ĐKNKTT tại khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở tại thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông: Đào Văn L và bà Trần Thị N; có vợ là Nguyễn Thị H; có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-7-2016; có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Văn phòng Luật sư Phạm Hồng H và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội gồm:

- Luật sư Nguyễn Thanh T bào chữa cho các bị cáo Dương Đức G và Đào Văn L; có mặt.

- Luật sư Tống Minh H bào chữa cho các bị cáo Dương Đức G và Đào Văn L; có mặt.

- Luật sư Phạm Hương Gi bào chữa cho bị cáo Dương Đức G; vắng mặt.

2. Luật sư Nguyễn Đăng Kh - Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng bào chữa cho bị cáo Luân Hồng N; có mặt.

3. Luật sư Nguyễn Quang T – Văn phòng luật sư S và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho các bị cáo Dương Đức G, Luân Hồng N và Đào Văn L; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

2. Bà Vy Thị D, sinh năm 1986; cư trú tại số nhà 152, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông NLC1, sinh năm 1984; cư trú tại xóm T, xã M, thị trấn L, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2. Bà NLC2, sinh năm 1990; ĐKNKTT tại thôn Q, xã Q, huyện Ps, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

* *Người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa:* Ông Trần Trung Th - Cán bộ Công an quận T, Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tài liệu có trong hồ sơ và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội được tóm tắt như sau:

Hồi 12h 30 phút ngày 25-7-2016, tại khu vực Khách sạn Ng số 138 đường N, H, T, Hà Nội (viết tắt là KS Ng), tổ công tác Công an quận T, thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra bên trong Phòng 402 của K/S Ng phát hiện Dương Đức G có 01 ba lô màu xanh giấu trong nhà vệ sinh bên trong có 10 gói nylon chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy). Kiểm tra xe ô tô Civic màu đen BKS 30K-A đỗ ở ngõ 140 N, phát hiện trong xe có Luân Hồng N, Đào Văn L. Có mặt tham gia chứng kiến quá trình Công an kiểm tra phát hiện lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang có các ông NLC1 và Quân Bá T1. Công an đã thu giữ 10 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 ô tô Honda Civic BKS 30K-A và một số tài sản khác có liên quan gồm: 01 ví da màu đen; 01 điện thoại Nokia màu xanh số thuê bao 0120411xxxx; 01 điện thoại OPPO màu đen có các số thuê bao 0166329xxxx và 0125392xxxx của G. 01 điện thoại Nokia số thuê bao 0168939xxxx; 01 điện thoại Nokia màu vàng số thuê bao 0165400xxxx; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu xám số thuê bao 0988871798; 01 ví da trong có 20.000.000đ; 01 thẻ ATM và 01 Giấy phép lái xe ô tô của N. 01 chiếc ví da màu đen bên trong có 1.000.000đ; 01 điện thoại Nokia màu đen số thuê bao 098536xxxx; 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen số thuê bao 01647197387; 01 Giấy phép lái xe ô tô của L (bl 30-38). Kết luận Giám định số 4805/PC54 ngày 25-8-2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội xác định: *Tổng trọng lượng tinh thể màu trắng bên trong 10 gói nylon là 9.992,30gam Methamphetamine. Cụ thể: gói 01 là 990,75g; gói 02 là 1.044,01g; gói 03 là 990,93g; gói 04 là 992,58g; gói 05 là 995,75g; gói 06 là 993,04g; gói 07 là 994,18g; gói 08 là 996,28g; gói 09 là 995,84g; gói 10 là 998,94g.*

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Dương Đức G (bl 352; 361; 369), Luân Hồng N (bl 301;305;316) và Đào Văn L (bl 399) đều khai nhận có quen biết nhau. Chỉ có G là người quen biết Vũ Xuân H. Ngày 18-7-2016, H gọi điện từ số máy 093674xxxx đến số 0125392xxxx của G hỏi mua 05kg “ma túy đá” cho vợ chồng L1 và T1 (không rõ địa chỉ). Sau đó, G đi từ Lạng Sơn xuống khách sạn Ng gặp H, chồng L1 và T1, tại đây H nói với G mua được “ma túy đá” sẽ trả công cho G 2.000.000đ/kg được G đồng ý và liên lạc đặt mua với N. Ngày 23-7-2016, G đi xe khách còn H và bạn gái đi xe ô tô Honda Civic BKS: 30K-A, vợ

chồng L1 và T1 đi một xe ô tô khác cùng nhau lên Lạng Sơn gặp N thống nhất việc mua 10kg “ma túy đá”. Sau đó, H gửi xe ô tô BKS: 30K-A tại nhà N, rồi N dẫn G, H, bạn gái của H (không rõ tên và địa chỉ) qua đường tiểu ngạch sang Bằng Tường gặp người đàn ông Trung Quốc tên là Tr đặt mua 10kg “ma túy đá”. G, N, H thỏa thuận giá cả là 2,7 tỷ đồng và thống nhất khi nào có ma túy sẽ báo cho N và N sẽ cầm 2 tỷ đồng đưa cho Tr số còn lại G, N, H chia nhau. Do Trung chưa có đủ lượng ma túy bán, nên G và N quay về Việt Nam còn H và bạn gái ở lại Trung Quốc chơi. Ngày 24-7-2016, G, N xuống Hà Nội đến phòng 502 khách sạn Ng gặp L1 để thống nhất việc mua bán 10kg “ma túy đá” với giá 2,7 tỷ đồng và kiểm tra tiền. Tại khách sạn Ng, G gọi điện thoại cho Đào Văn L đang ở nhà tại Bắc G xuống Hà Nội, L lên phòng 502 gặp G và người phụ nữ tên L1 đang trao đổi mua bán ma túy, G bảo L lên Lạng Sơn chuyển ma túy về Hà Nội cho G, G sẽ trả công, L đồng ý và đi xe khách lên Lạng Sơn đợi. Sau đó, N nhận được điện thoại của Tr thông báo đã có ma túy. Khoảng 2 giờ 30 phút ngày 25-7-2016, N quay về Lạng Sơn lái xe ô tô BKS 30K-A của H để tại nhà N đi đến khu vực đồn Biên phòng Đ, Lạng Sơn gặp một thanh niên là người của Tr nhận một ba lô màu xanh bên trong chứa 10kg “ma túy đá” để vào trong xe ô tô rồi đỗ lại chờ L. Khi gặp, N giao xe ô tô BKS 30K-A bên trong có ba lô màu xanh chứa 10kg “ma túy đá” cho L và đưa 2.000.000đ tiền đi đường. N bảo L lái xe ô tô chở 10kg “ma túy đá” về KS Ng giao cho G, còn N đi taxi về KS Ng để nhận tiền bán ma túy. Tại KS Ng, G chuyển chỗ từ P502 xuống P402 và gọi điện thoại bảo L mang ma túy lên P402 cho G thì L mang ma túy đến cho G. G để ba lô ma túy trong buồng vệ sinh còn L đi xuống xe ô tô ngồi cùng N. Khoảng 12h30 phút cùng ngày, G đang giao dịch mua bán ma túy với người phụ nữ tên là L1 thì bị Công an kiểm tra bắt giữ G cùng vật chứng, còn L1 chạy thoát.

Vũ Xuân H bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can, ra lệnh truy nã và tạm đình chỉ đến ngày 07-02-2018 bị bắt (*bl 69.HSPT-TL653*). Quá trình điều tra H khai nhận: phù hợp với lời khai của các bị cáo G, N và L (*bl 96-99.HSPT-TL653*). Tại Bản án số 270/HSST ngày 24-7-2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử sơ thẩm tuyên phạt Vũ Xuân H 20 năm tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* đối với hành vi trên đây. Ngày 07-8-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội ký Quyết định số 14/QĐ-KNPT kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 270/HSST ngày 24-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo hướng tăng hình phạt tù chung thân đối với bị cáo Vũ Xuân H.

Xác minh các số điện thoại của H (0936741786), G (0125392xxxx), N (0165400xxxx; 0168939xxxx; 0988871798) và L (098536xxxx) phát hiện có nhiều

cuộc điện thoại liên lạc với nhau phù hợp với không gian và thời gian các bị cáo khai nhận. Chiếc xe ô tô BKS 30K-A chở ma túy, qua xác minh chủ xe là Lưu Thị Nh (sinh năm 1987, trú tại xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; hiện đang thi hành án) cho NLC2 (sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên là bạn gái H) thuê lại. Ngày 23-7-2016, T2 cho H mượn xe ô tô BKS 30K-A. Đối với người phụ nữ tên L1 (có số điện thoại 0967028867) và Thành (có số điện thoại 0984463927), do không biết họ tên và địa chỉ, các số điện thoại là thuê bao trả trước chưa đăng ký chủ thuê bao nên không có căn cứ điều tra làm rõ. Người đàn ông tên Tr (người Trung Quốc) bán ma túy cho H, G và N không có địa chỉ cụ thể, không có số điện thoại nên không có cơ sở điều tra xác minh làm rõ.

Kết quả điều tra bổ sung xác định ông Trần Trung Th không tham gia vào việc đặt vấn đề mua bán ma túy với H, G; L1 không phải là người thuê phòng 402 KS Ng; khách sạn Tân Việt Hoa – Lạng Sơn không lắp đặt camera vào thời điểm các đối tượng trên thuê (bl 545-548).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HSST ngày 04-4-2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố Dương Đức G, Luân Hồng N và Đào Văn L phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Dương Đức G tử hình; phạt tiền 10.000.000đ.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Luân Hồng N tử hình; phạt tiền 10.000.000đ.

Tiếp tục giam hai bị cáo Dương Đức G và Luân Hồng N để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51; Điều 58 ; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Đào Văn L tù chung thân; phạt tiền 10.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày 25-7-2016.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; việc xử lý vật chứng; quyền kháng cáo và quyền xin ân giảm án tử hình theo luật định.

Ngày 09-4-2018, bị cáo Dương Đức G kháng cáo kêu oan.

Ngày 09-4-2018, bị cáo Luân Hồng N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 12-4-2018, bị cáo Đào Văn L kháng cáo xin giảm hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Luân Hồng N, Dương Đức G và Đào Văn L đều giữ nguyên kháng cáo. Các bị cáo G, N và người làm chứng Vũ Xuân H đều khai nhận: Vợ chồng L1 và T1 (không rõ địa chỉ) là người đặt vấn đề với H mua “ma túy đá”. H là người đặt vấn đề với G và G tiếp tục đặt vấn đề với N mua “ma túy đá”. Sau khi thống nhất giá cả và phương thức thanh toán, N, G, H đã cùng đi sang Trung Quốc gặp Tr thỏa thuận mua “ma túy đá” về bán cho vợ chồng L1. N là người lái xe ô tô BKS 30K-A của H gửi tại nhà L đi đến khu vực cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn nhận khoảng 10kg “ma túy đá” của Tr nhưng chưa trả tiền, rồi giao xe và số “ma túy đá” trên cho L chở về Hà Nội đưa cho G tại KS Ng giao “ma túy đá” cho L1 thì bị bắt.

Bị cáo G kêu oan vì việc đi mua ma túy về bán cho L1 là do Thành (là Công an) nhờ giúp đỡ để bắt vụ án ma túy.

Bị cáo N khai G là người đặt vấn đề và chỉ đạo N trong việc mua và nhận ma túy của Tr.

Bị cáo L khai được G nói đi lên Lạng Sơn lái xe của N giao và chở chiếc ba lô về đưa cho G tại KS Ng, nhưng L không biết bên trong ba lô có ma túy. Trước đó L có gặp G và người phụ nữ tại KS Ng, nhưng không biết nội dung cuộc nói chuyện của họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa xác định hành vi mua bán ma túy bị bắt quả tang không oan, khối lượng ma túy bị cáo mua bán trái phép rất lớn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Luân Hồng N, Dương Đức G và Đào Văn L đều đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xem xét trách nhiệm hình sự của L1 và T1 là những người đứng ra mua ma túy và đề xuất việc mua bán ma túy với các bị cáo này.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của người bào chữa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Có căn cứ xác định: Hồi 12h 30 phút ngày 25-7-2016, tại khu vực KS Ng, Công an bắt quả tang Dương Đức G, Luân Hồng N và Đào Văn L đang chờ bán 9.992,30gam Methamphetamine cho đối tượng đặt mua là một phụ nữ tên

L1 (không rõ địa chỉ). Theo thỏa thuận, H, G và N đi sang Trung Quốc đặt mua ma túy của đối tượng Tr (không rõ địa chỉ). N là người lái xe ô tô của H để lại nhà mình đi đến gần Đồn biên phòng Đ Lạng Sơn để nhận 10kg “ma túy đá” do người Trung Quốc có tên là Tr giao nhưng cho chịu tiền. Sau đó, N giao xe cho L chở số “ma túy đá” về Hà Nội đưa cho G tại KS Ng. Trong khi G chờ giao số ma túy trên cho L1 thì bị Công an phát hiện, bắt người và thu giữ vật chứng.

Theo quy định của pháp luật và thông lệ thương mại, thuật ngữ “mua” và “bán” đối với cùng một hàng hóa được xác định là hai giao dịch thương mại khác nhau dưới góc độ chủ thể. Không bao giờ trong cùng một giao dịch, một người đồng thời vừa là bên “mua” lại vừa là bên “bán” đối với cùng một hàng hóa. Chỉ có thể xảy ra trường hợp một người “mua” hàng hóa của người này rồi “bán” hàng hóa đó cho người khác mà thôi. Tài liệu trong hồ sơ và lời khai của G và N tại phiên tòa đều xác định L1 không quen biết và giao dịch mua ma túy với Tr là có cơ sở, vì nếu L1 là bên “mua” đã quen biết Tr là bên “bán” thì sẽ không bao giờ L1 phải nhờ H, G và N tìm “mua” ma túy của Tr và ngược lại Tr cũng không bao giờ phải thông qua N, G và H để “bán” ma túy cho L1. Tương tự, G khai H biết Tr từ trước và thỏa thuận “mua” ma túy với Tr là không đúng, vì nếu như H đã biết Tr thì sẽ không bao giờ H phải nhờ G và G lại đặt vấn đề nhờ N “mua” ma túy của Tr. Mặt khác, do L1 không quen biết Tr nếu như không có sự tham gia của N, G, H thì không bao giờ Tr lại đồng ý bán ma túy chịu cho L1. Mặc dù lời khai của G và N có nhiều nội dung khác nhau, nhưng những lời khai có nội dung: *G cùng N mua chịu 10kg “ma túy đá” của Tr giá 2.000.000.000đ tại Lạng Sơn đem về Hà Nội bán cho L1 giá 2.700.000.000đ kiếm lời 700.000.000đ* được xác định là khách quan. Đối với những lời khai của G và quan điểm của người bào chữa cho rằng G chỉ là người giúp L1 mua ma túy đều không có cơ sở chấp nhận. Hành vi sang Trung Quốc “mua” 9.992,30gam Methamphetamine đem về Hà Nội “bán” kiếm lời của Vũ Xuân H, Luân Hồng N, Dương Đức G và Đào Văn L đã phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy* quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết cho các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo G và người bào chữa cho bị cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm với lý do chưa điều tra đầy đủ việc ông Thành (cán bộ Công an quận T, Hà Nội), Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau: Nếu có tài liệu chứng cứ xác định ông Thành nhờ bị cáo G tham gia vào việc mua bán ma túy với L1, thì G và người bào chữa cho bị cáo có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trên đây đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, nội dung kháng cáo trên không làm thay đổi bản chất của

vụ án, vai trò và hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Đức G, Luân Hồng N và Đào Văn L.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau:

Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, khối lượng 9.992,30gam Methamphetamine các bị cáo mua bán lớn gấp nhiều lần so với 300gam quy định tại khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ hai mươi năm, tù chung thân, tử hình. Tuy nhiên, cần có sự phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt làm cơ sở cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, xuất phát từ việc có người đặt H mua ma túy nên H, G và N đã cùng nhau đi sang Trung Quốc mua ma túy về bán lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo như sau: H là người đề xuất; N là người trực tiếp nhận ma túy của người bán; L là người vận chuyển ma túy về Hà Nội và G là người trực tiếp giao ma túy cho người mua.

Bản án số 134/HSST ngày 11-9-2002 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Dương Đức G 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ; buộc bị cáo phải nộp ngân sách Nhà nước 610.000đ tiền thu lợi bất chính và 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm*. Kết quả xác minh xác định cho đến nay Dương Đức G chưa thi hành xong khoản truy thu tiền thu lợi bất chính 610.000đ và án phí hình sự sơ thẩm (bl 344,351), nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Dương Đức G không có tiền án là chưa chính xác, cần phải xác định lại.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án và quyết định mức hình phạt đối với Luân Hồng N, Dương Đức G, Đào Văn L là tương xứng với hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết mới nào làm căn cứ chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho các bị cáo, như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Luân Hồng N, Dương Đức G và Đào Văn L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2018/HSST ngày 04-

4-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tuyên bố: Các bị cáo Dương Đức G, Luân Hồng N và Đào Văn L phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 ; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Dương Đức G tử hình; phạt tiền 10.000.000đ.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Luân Hồng N tử hình; phạt tiền 10.000.000đ.

Tiếp tục giam hai bị cáo Dương Đức G và Luân Hồng N để đảm bảo thi hành án. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo Dương Đức G và Luân Hồng N có quyền làm đơn gửi ông Chủ tịch nước - Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51; Điều 58 ; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Đào Văn L tù chung thân; phạt tiền 10.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày 25-7-2016.

Các bị cáo Dương Đức G, Luân Hồng N và Đào Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hà Nội;
- Cục T.H.A dân sự Tp Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: HS; PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Quang